

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/2020/TT-BCA

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2020

VIỆN KSND TỐI CAO

15-06-2020

V8 Số: 602

THÔNG TƯ

Quy định thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải của lực lượng làm nhiệm vụ hỗ trợ tư pháp trong Công an nhân dân

VKSND TỈNH Q.N
CÔNG VĂN ĐỀN

số: 12346

Ngày 23 tháng 11 năm 2017

Căn cứ Bộ luật Hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Bộ luật Tổ tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Tổ tụng dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tương trợ tư pháp ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ tụng hành chính ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải của lực lượng làm nhiệm vụ hỗ trợ tư pháp trong Công an nhân dân.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nguyên tắc, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm và quan hệ phối hợp khi thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải của lực lượng làm nhiệm vụ hỗ trợ tư pháp trong Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ hỗ trợ tư pháp trong Công an nhân dân khi thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác bắt, áp giải, dẫn giải.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Thực hiện nhiệm vụ bắt là việc cơ quan, người được giao nhiệm vụ thi hành biện pháp bắt bị cáo để tạm giam, phối hợp bắt bị can để tạm giam và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và bảo đảm thi hành án theo yêu cầu tại lệnh, quyết định bắt của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Thực hiện nhiệm vụ áp giải là việc cơ quan, người được giao nhiệm vụ thi hành biện pháp buộc người bị bắt, bị can, bị cáo, người bị kết án phạt tù, người bị kết án tử hình, người thi hành án phạt trực xuất, người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật đến địa điểm theo yêu cầu tại lệnh, quyết định áp giải của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Thực hiện nhiệm vụ dẫn giải là việc cơ quan, người được giao nhiệm vụ thi hành biện pháp đưa người làm chứng, người bị hại, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật đến địa điểm theo yêu cầu tại lệnh, quyết định dẫn giải của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 4. Nguyên tắc bắt, áp giải, dẫn giải

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

2. Lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải của cơ quan, người có thẩm quyền phải được tôn trọng và chấp hành.

3. Kết hợp thuyết phục với cưỡng chế để bảo đảm lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải được thi hành nghiêm theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người bị bắt, áp giải, dẫn giải; quyền khiếu nại, tố cáo đối với lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải và những hành vi trái pháp luật.

5. Bảo đảm an toàn về người, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải.

6. Bảo đảm sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và già đình trong việc giáo dục, thuyết phục người bị bắt, áp giải, dẫn giải thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

7. Không bắt, áp giải, dẫn giải vào ban đêm từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau (trừ trường hợp quy định tại Điều 113 và Điều 127 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015).

Chương II

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẮT, ÁP GIẢI, DẪN GIẢI

Điều 5. Tiếp nhận lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải

1. Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận lệnh, quyết định bắt bị cáo để tạm giam của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao; Hội đồng Giám đốc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và phối hợp thực hiện lệnh, quyết định bắt bị can để tạm giam khi có yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Cơ quan điều tra Bộ Công an; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

b) Tiếp nhận lệnh, quyết định áp giải đối với các vụ án đặc biệt nghiêm trọng khi có yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Cơ quan điều tra Bộ Công an; Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận lệnh, quyết định bắt bị cáo để tạm giam của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Hội đồng Giám đốc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và phối hợp thực hiện lệnh, quyết định bắt bị can để tạm giam khi có yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Cơ quan điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;

b) Tiếp nhận lệnh, quyết định áp giải, dẫn giải khi có yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Cơ quan điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh; Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

c) Tiếp nhận lệnh, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Bộ Công an; Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Công an cấp tỉnh.

3. Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp huyện có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận lệnh, quyết định bắt bị cáo để tạm giam của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân cấp

huyện và phối hợp thực hiện lệnh, quyết định bắt bị can để tạm giam khi có yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện;

b) Tiếp nhận lệnh, quyết định áp giải, dẫn giải khi có yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Cơ quan điều tra, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

c) Tiếp nhận lệnh, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Công an cấp tỉnh, cấp huyện.

4. Trại tạm giam thuộc Bộ Công an có trách nhiệm tiếp nhận lệnh, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam thuộc Bộ Công an.

5. Trại tạm giam Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận lệnh, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Cơ quan điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam thuộc Bộ Công an; Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Công an cấp tỉnh.

Điều 6. Phân công thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải

1. Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải:

a) Chủ trì bắt bị cáo tại Hà Nội để tạm giam theo lệnh, quyết định của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao; Hội đồng Giám đốc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

b) Phối hợp bắt bị can tại Hà Nội để tạm giam theo lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra Bộ Công an; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

c) Thực hiện áp giải bị can, bị cáo tại Hà Nội đối với các vụ án đặc biệt nghiêm trọng theo lệnh, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Cơ quan điều tra Bộ Công an; Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải:

a) Chủ trì bắt bị cáo để tạm giam theo lệnh, quyết định của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng

Giám đốc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

b) Phối hợp bắt bị can và các trường hợp khác theo lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;

c) Áp giải bị can, bị cáo đang tại ngoại hoặc bị can, bị cáo đang ở cơ sở giam giữ khác theo lệnh hoặc quyết định của Cơ quan điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam thuộc Bộ Công an; Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Công an cấp tỉnh;

d) Áp giải người bị thi hành án phạt trực xuất, dẫn độ, chuyển giao người bị kết án tù giữa Việt Nam với các nước theo quyết định của Tòa án có thẩm quyền;

d) Chủ trì, phối hợp với trại tạm giam áp giải người bị kết án tử hình đi thi hành án theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình và Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh;

e) Dẫn giải người làm chứng, người bị hại, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân theo lệnh, quyết định dẫn giải của Cơ quan điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

3. Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp huyện thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải:

a) Chủ trì bắt bị cáo để tạm giam theo lệnh, quyết định của Tòa án nhân dân, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân cấp huyện;

b) Phối hợp bắt bị can và các trường hợp khác theo lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Công an cấp huyện khi có yêu cầu;

c) Áp giải bị can, bị cáo đang tại ngoại, người đang bị giam giữ tại nhà tạm giữ chuyển đến trại tạm giam theo lệnh, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

d) Áp giải người bị kết án phạt tù chuyển đến trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ chấp hành án theo quyết định của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an;

đ) Áp giải người bị kết án phạt tù đang được tại ngoại, hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người được hưởng án treo đã có quyết định đi chấp

hành án phạt tù, người có quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đi chấp hành án theo quyết định thi hành án phạt tù của Tòa án nhân dân có thẩm quyền;

e) Áp giải người bị tạm giữ, tạm giam, phạm nhân trích xuất về nhà tạm giữ theo lệnh trích xuất, quyết định điều chuyển của Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Công an cấp tỉnh;

g) Áp giải người bị tạm giữ, tạm giam chuyển đến cơ sở giam giữ khác theo lệnh hoặc quyết định của Cơ quan thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Công an cấp tỉnh;

h) Áp giải người bị tạm giữ, tạm giam, phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại nhà tạm giữ đi khám, chữa bệnh tại cơ sở khám chữa bệnh ngoài cơ sở giam giữ theo lệnh, quyết định của Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện; đưa đi giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần theo quyết định của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền;

i) Áp giải người có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

k) Dẫn giải người làm chứng, người bị hại, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân theo lệnh, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc Cơ quan điều tra cấp tỉnh, Cơ quan điều tra Công an cấp huyện, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

4. Trại tạm giam thực hiện nhiệm vụ áp giải:

a) Áp giải bị can, bị cáo đang bị quản lý giam giữ tại trại tạm giam theo lệnh hoặc quyết định của Cơ quan điều tra Bộ Công an, Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam thuộc Bộ Công an; Cơ quan quản lý thi hành án hình sự, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh;

b) Áp giải người bị kết án phạt tù chuyển đến trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ chấp hành án theo quyết định của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an;

c) Áp giải phạm nhân đang chấp hành án tại phân trại tạm giam theo lệnh trích xuất của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an và Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phục vụ yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử;

d) Phối hợp với Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an cấp tỉnh áp giải người bị kết án tử hình đi thi hành án theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng thi hành án tử hình, Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh;

d) Áp giải người đang bị tạm giữ, tạm giam, phạm nhân đang chấp hành án tại trại tạm giam đi khám, chữa bệnh tại cơ sở khám chữa bệnh ngoài cơ sở giam giữ; thăm gặp thân nhân, lãnh sự, luật sư, hỏi cung; đưa đi giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần; phạm nhân được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, phạm nhân chấp hành xong án phạt tù phải chấp hành án phạt bổ sung là quản chế về nơi cư trú theo lệnh, quyết định của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Công an cấp tỉnh.

Chương III

TRIỀN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẮT, ÁP GIẢI, DẪN GIẢI

Điều 7. Kiểm tra lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải trước khi thực hiện nhiệm vụ

1. Trước khi chủ trì hoặc phối thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải theo lệnh, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thì cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải phải kiểm tra lệnh, quyết định, hồ sơ và các tài liệu kèm theo (nếu có) đối với từng trường hợp cụ thể. Khi bắt, áp giải, dẫn giải phải bảo đảm đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Khi có căn cứ cho rằng lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải ban hành không đúng quy định của pháp luật hoặc các thông tin về người bị bắt, áp giải, dẫn giải chưa chính xác, thiếu hoặc không đúng; việc thông báo, tổng đat lệnh, quyết định cho họ không đúng quy định của pháp luật thì cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải có trách nhiệm thông báo đồng thời chuyển trả lệnh, quyết định, hồ sơ, tài liệu (nếu có) cho cơ quan, người đã ra lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải. Đề nghị xem xét, giải quyết, bổ sung, chỉnh lý những nội dung thiếu, chưa chính xác hoặc không đúng về người bị bắt, áp giải, dẫn giải.

Điều 8. Xây dựng kế hoạch và phương án bắt, áp giải, dẫn giải

1. Căn cứ để xây dựng kế hoạch và phương án

a) Khi nhận được lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải của cơ quan, người có thẩm quyền thì cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ phải căn cứ mục đích, yêu cầu, tính chất để xây dựng kế hoạch thực hiện bảo đảm phù hợp, sát với tình hình thực tiễn:

Đối với yêu cầu bắt, phải xác định được tính chất của vụ án; họ tên, năm sinh, nơi cư trú, đặc điểm nhận dạng, nhân thân, diễn biến tâm lý, thái độ và các mối quan hệ gia đình, xã hội của người bị bắt; đặc điểm địa bàn, tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nơi thi hành lệnh, quyết định bắt và khả năng chống đối không chấp hành hoặc chấp hành của người bị bắt, người thân và các đối tượng khác khi thi hành lệnh, quyết định bắt;

Đối với yêu cầu áp giải người đang bị tạm giữ, tạm giam, người bị kết án phạt tù, người bị kết án tử hình, chuyển giao người bị kết án phạt tù, trục xuất

phải phối hợp với Giám thị trại giam, trại tạm giam, Trưởng nhà tạm giữ, Trưởng cơ sở lưu trú nơi giam giữ, quản lý đối tượng để nắm được diễn biến, tư tưởng, tính chất, hành vi phạm tội, án phạt, thái độ chấp hành nội quy, quy định giam giữ, quan hệ gia đình và khả năng chống đối không chấp hành hoặc chấp hành của người bị áp giải;

Đối với yêu cầu áp giải bị can, bị cáo, người bị kết án phạt tù đang tại ngoại, được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người có quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện phải xác định được họ tên, năm sinh, nơi cư trú, làm việc, học tập và căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, đặc điểm nhận dạng, nhân thân, thái độ và các mối quan hệ gia đình, xã hội của người bị áp giải; đặc điểm địa bàn, tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nơi thi hành quyết định áp giải và khả năng chống đối không chấp hành hoặc chấp hành của người bị áp giải, thân nhân và các đối tượng khác khi thi hành quyết định áp giải;

Đối với yêu cầu dẫn giải phải xác định được họ tên, năm sinh, nơi cư trú, làm việc, nghề nghiệp, đặc điểm nhận dạng, các mối quan hệ gia đình, xã hội, thái độ chấp hành pháp luật và khả năng chống đối không chấp hành hoặc chấp hành của người bị dẫn giải, thân nhân và những người liên quan khác khi thi hành quyết định dẫn giải.

b) Trường hợp thực hiện bắt, áp giải, dẫn giải có nhiều đơn vị cùng phối hợp, thực hiện nhiệm vụ thì cơ quan, đơn vị được giao chủ trì xây dựng kế hoạch đề nghị thành lập Ban chỉ đạo, lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch và có biện pháp bảo đảm tuyệt đối bí mật kế hoạch hoặc phải hội ý thống nhất các bước thực hiện.

2. Nội dung kế hoạch

a) Đặc điểm tình hình địa bàn, dân cư; tình hình đặc điểm nhân thân của đối tượng, an ninh trật tự, nơi tiến hành bắt, áp giải, dẫn giải.

b) Mục đích, yêu cầu bắt, áp giải, dẫn giải.

c) Các nhiệm vụ cụ thể, trình tự và biện pháp tiến hành.

d) Quan hệ phối hợp giữa các đơn vị và chính quyền địa phương trong quá trình bắt, áp giải, dẫn giải.

đ) Tổ chức thực hiện:

Phân công nhiệm vụ cho các lực lượng tham gia;

Trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị nghiệp vụ; bố trí phương tiện, kinh phí và các điều kiện bảo đảm khác cho các đơn vị và cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ;

Thời gian, địa điểm triển khai thực hiện kế hoạch;

e) Dự kiến tình huống đột xuất có thể xảy ra trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch và xây dựng phương án xử lý an toàn, hiệu quả (địa hình, phương tiện, đối tượng chống đối, cản trở việc bắt, áp giải, dẫn giải).

3. Nội dung phương án

a) Căn cứ vào yêu cầu, nội dung kế hoạch và tính chất của vụ án, đối tượng bắt, áp giải, dẫn giải để xây dựng nội dung phương án bắt, áp giải, dẫn giải cho phù hợp. Trường hợp cần thiết phải tổ chức thực tập phương án.

b) Phương án bắt, áp giải bị can, bị cáo, người bị kết án phạt tù, người bị kết án tử hình thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng; các vụ án phức tạp, gây bức xúc trong dư luận xã hội thì nội dung phương án phải dự kiến và đề ra các biện pháp xử lý cụ thể từng tình huống đột xuất có thể xảy ra khi tiến hành bắt, áp giải, dẫn giải.

4. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch, phương án

a) Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam thuộc Bộ Công an phê duyệt kế hoạch, phương án bắt bị cáo tại Hà Nội để tạm giam theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Hội đồng Giám đốc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân cấp cao; phối hợp thực hiện bắt bị can tại Hà Nội để tạm giam khi có yêu cầu của Cơ quan điều tra Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; kế hoạch, phương án áp giải bị can, bị cáo đối với các vụ án đặc biệt nghiêm trọng khi có yêu cầu của Cơ quan điều tra Bộ Công an; Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

b) Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch, phương án bắt, áp giải, dẫn giải do Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp thực hiện.

c) Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Công an cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch, phương án áp giải do trại tạm giam thực hiện áp giải phục vụ mục đích điều chuyển, trích xuất người bị tạm giữ, tạm giam.

d) Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phê duyệt kế hoạch, phương án bắt, áp giải, dẫn giải do Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, nhà tạm giữ thuộc Công an cấp huyện thực hiện.

đ) Giám thị hoặc Phó Giám thị trại tạm giam, Trưởng nhà tạm giữ phê duyệt kế hoạch, phương án áp giải, trích xuất người đang bị tạm giữ, tạm giam, phạm nhân ra khỏi nơi giam giữ đi lao động, học tập, thăm gặp thân nhân, lãnh sự, luật sư, làm việc với Cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (hỏi cung, nhận dạng, đối chất, xét xử...) khám chữa bệnh; đưa phạm nhân được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, phạm nhân chấp hành xong án phạt tù phải chấp hành án phạt bổ sung là quản chế về nơi cư trú và các công việc khác

do các tổ, đội nghiệp vụ, phân trại quản lý phạm nhân của trại tạm giam, nhà tạm giữ thực hiện.

e) Lãnh đạo Bộ Công an phê duyệt kế hoạch, phương án bắt, áp giải của Ban chỉ đạo bắt, áp giải cấp Bộ.

g) Giám đốc Công an cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch, phương án bắt, áp giải, dẫn giải của Ban chỉ đạo bắt, áp giải, dẫn giải cấp tỉnh.

h) Trưởng Công an cấp huyện phê duyệt kế hoạch, phương án bắt, áp giải, dẫn giải của Ban chỉ đạo bắt, áp giải, dẫn giải cấp huyện.

Điều 9. Phổ biến, giao nhiệm vụ, phân công lực lượng bắt, áp giải, dẫn giải

1. Người chỉ huy bắt, áp giải, dẫn giải phải phổ biến, quán triệt cho cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ nắm vững mục đích, yêu cầu, trình tự và biện pháp tiến hành theo kế hoạch, phương án; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ, từng người tham gia, từng lực lượng (nếu có) và kiểm tra công tác chuẩn bị trước khi thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải.

2. Trước khi thực hiện bắt, áp giải, dẫn giải phải phân công cán bộ, chiến sĩ thông báo, phối hợp với chính quyền xã, phường, thị trấn để cử đại diện và mời người chứng kiến. Nếu bắt, áp giải, dẫn giải tại nơi làm việc, học tập thì thông báo và phối hợp với cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập để cử đại diện và mời người chứng kiến.

3. Phân công, bố trí lực lượng, phương tiện, trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị nghiệp vụ phù hợp để bảo đảm an toàn trong quá trình bắt, áp giải, dẫn giải. Đối tượng nữ phải có cán bộ, chiến sĩ nữ bắt, áp giải, dẫn giải; trường hợp đối tượng là người dân tộc thiểu số không biết tiếng phổ thông, người nước ngoài không biết tiếng Việt thì bố trí cán bộ, chiến sĩ hoặc mời người biết tiếng dân tộc, ngoại ngữ phiên dịch trong quá trình bắt, áp giải, dẫn giải. Căn cứ tình trạng sức khỏe của người bị bắt, áp giải, dẫn giải để bố trí cán bộ y tế tham gia.

4. Khi tiến hành bắt, áp giải, dẫn giải, cán bộ, chiến sĩ thi hành lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải có thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật và thông báo cho cơ quan, người yêu cầu bắt, áp giải, dẫn giải.

5. Thực hiện áp giải, dẫn giải đường dài phải chuẩn bị bảo đảm các điều kiện cần thiết về hậu cần; dự kiến và liên hệ trước với chính quyền, Công an đơn vị địa phương nơi có tuyến đường áp giải, dẫn giải đi qua để phối hợp bảo vệ.

Điều 10. Trình tự, thủ tục bắt

1. Trình tự bắt

a) Bắt bị can để tạm giam

Khi Cơ quan điều tra yêu cầu phối hợp thực hiện lệnh, quyết định bắt bị can để tạm giam thì Thủ tướng Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền bố

trí lực lượng, trang bị phương tiện, vũ khí, công cụ hỗ trợ thực hiện theo nội dung yêu cầu.

b) **Bắt bị cáo để tạm giam**

Khi tiến hành bắt bị cáo tại nơi cư trú thì cơ quan, người thực hiện lệnh, quyết định bắt phải nhanh chóng, bí mật, triển khai các hoạt động cần thiết bảo đảm an toàn, hiệu quả việc bắt và phối hợp chính quyền xã, phường, thị trấn mời người chứng kiến. Khi tiến hành bắt bị cáo tại nơi làm việc, học tập thì mời đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập và người chứng kiến. Nếu bắt bị cáo tại nơi khác thì mời chính quyền xã, phường, thị trấn nơi thực hiện lệnh, quyết định bắt cử đại diện người chứng kiến.

Yêu cầu chủ nhà hoặc người có quan hệ với người bị bắt đang cư trú, làm việc, học tập để gặp người bị bắt, tiến hành kiểm tra, đối chiếu ảnh, giấy tờ tùy thân (nếu có), xác định đúng là người có tên trong lệnh, quyết định bắt thì tiến hành bắt.

c) **Bắt bị cáo tại phiên tòa**

Khi nhận được quyết định bắt tạm giam bị cáo ngay tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thì lực lượng làm nhiệm vụ hỗ trợ tư pháp bảo vệ phiên tòa tiến hành bắt, lập biên bản, áp giải bị cáo đến nơi giam giữ và bàn giao theo quy định.

2. Thủ tục bắt

a) Đọc lệnh, quyết định bắt; giải thích lệnh, quyết định bắt, quyền và nghĩa vụ của người bị bắt; giao lệnh, quyết định cho người bị bắt.

b) Khóa tay người bị bắt, khám người.

c) Xác định đồ vật, tài sản, tiền của người bị bắt (nếu có), lập biên bản theo quy định của pháp luật đối với tiền, tài sản, đồ vật đó.

d) Giám sát, quản lý chặt chẽ người bị bắt, cảnh giác, chủ động kịp thời xử lý những tình huống phức tạp có thể xảy ra; không tùy tiện giải quyết các đề nghị của người bị bắt.

đ) Lập biên bản bắt; biên bản giao, nhận người và hồ sơ, tiền, tài sản, đồ vật của người bị bắt (nếu có) cho cơ quan, đơn vị tiếp nhận người bị bắt theo quy định.

Điều 11. Trình tự, thủ tục áp giải

1. Trình tự áp giải

a) Áp giải người bị bắt, bị can, bị cáo; người bị kết án phạt tù đang được tại ngoại, hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; người được hưởng án treo đã có quyết định đi chấp hành án phạt tù, người có quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

Đến địa điểm áp giải thông báo ngay và mời đại diện chính quyền địa phương hoặc đại diện cơ quan, tổ chức nơi người bị áp giải đang cư trú, làm

việc, học tập và người chứng kiến, phối hợp triển khai kế hoạch, phương án áp giải.

Yêu cầu đại diện gia đình, chủ nhà hoặc người có quan hệ với người bị áp giải đang cư trú, làm việc, học tập để gặp người bị áp giải, tiến hành kiểm tra, đối chiếu ảnh, giấy tờ tùy thân (nếu có), xác định đúng là người có tên trong quyết định thì tiến hành áp giải.

b) Áp giải người bị tạm giữ, tạm giam, người bị kết án phạt tù, người bị kết án tử hình và người chấp hành hình phạt trực xuất.

Sau khi nhận được quyết định áp giải của cơ quan, người có thẩm quyền, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ áp giải thông báo ngay cho cơ sở đang giam giữ người bị tạm giữ, tạm giam, người bị kết án phạt tù, người bị kết án tử hình và nơi quản lý người chấp hành hình phạt trực xuất biết, để có kế hoạch phối hợp thực hiện và chuẩn bị bàn giao người, hồ sơ, đồ vật, tài sản (nếu có).

Phối hợp với cơ sở giam giữ, nơi quản lý người chấp hành hình phạt trực xuất kiểm tra, đối chiếu ảnh, giấy tờ tùy thân, xác định đúng là người có tên trong quyết định áp giải thì làm thủ tục giao, nhận người bị áp giải và hồ sơ, đồ vật, tài sản (nếu có).

c) Áp giải người đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở lưu trú.

Cán bộ, chiến sĩ được giao nhiệm vụ đến địa điểm áp giải thông báo và mời đại diện chính quyền địa phương hoặc đại diện cơ quan, tổ chức nơi người bị áp giải cư trú, làm việc, học tập để chứng kiến việc tiến hành áp giải;

Yêu cầu đại diện gia đình, chủ nhà hoặc người có quan hệ với người bị áp giải đang cư trú, làm việc, học tập để gặp người bị áp giải, tiến hành kiểm tra, đối chiếu ảnh, giấy tờ tùy thân (nếu có), xác định đúng là người có tên trong quyết định thì tiến hành áp giải.

2. Thủ tục áp giải

a) Đọc quyết định áp giải và giải thích những vấn đề thắc mắc của người bị áp giải liên quan đến nội dung quyết định áp giải (nếu có).

b) Kiểm tra người bị áp giải, xác định và xử lý đồ vật, tài sản, giấy tờ liên quan (nếu có) theo quy định của pháp luật.

c) Khóa tay người bị áp giải và thực hiện áp giải (trong trường hợp cần thiết).

d) Trường hợp áp giải người bị kết án tử hình, đối tượng phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, đối tượng hình sự nguy hiểm chống đối quyết liệt thì xích chân (việc xích chân phải có trong kế hoạch, phương án đã được phê duyệt).

đ) Khi áp giải để phục vụ xét xử, người chỉ huy áp giải phải bảo đảm đưa người có quyết định áp giải đến địa điểm xét xử trước giờ khai mạc phiên tòa ít nhất 15 phút.

e) Trường hợp áp giải đường dài phải nghỉ qua đêm, trước khi tổ chức áp giải, đơn vị thực hiện nhiệm vụ áp giải phải có kế hoạch, dự kiến nơi nghỉ qua đêm:

Đối với trường hợp áp giải người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, người bị kết án phạt tù, người bị kết án tử hình thì đơn vị áp giải liên hệ và thông báo trước cho cơ sở giam giữ biết để phối hợp, chuẩn bị bố trí nơi ăn, nghỉ cho cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ áp giải và nơi giam giữ người bị áp giải. Việc bàn giao, tiếp nhận người bị áp giải phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Bộ Công an;

Đối với trường hợp áp giải người bị chấp hành hình phạt trực xuất, cần liên hệ trước với Công an đơn vị, địa phương nơi tiến hành trực xuất để phối hợp bố trí nơi nghỉ;

Đơn vị thực hiện áp giải có trách nhiệm chỉ chế độ ăn, nghỉ cho cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ áp giải và người bị áp giải, được thanh quyết toán theo quy định.

g) Lập biên bản áp giải; biên bản giao, nhận người và hồ sơ, tiền, tài sản, đồ vật của người bị áp giải (nếu có) cho cơ quan, đơn vị tiếp nhận người bị áp giải theo mẫu quy định.

3. Áp giải bằng phương tiện giao thông

Không để người bị áp giải ngồi gần người điều khiển phương tiện, gần cửa lén xuống hoặc cửa sổ; không được tự ý giải quyết các yêu cầu của người bị áp giải khi chưa có lệnh của người chỉ huy áp giải. Không để vũ khí, công cụ hỗ trợ bên cạnh người bị áp giải; người bị áp giải ngồi ở giữa 02 cán bộ, chiến sĩ áp giải; cán bộ, chiến sĩ áp giải phải giám sát, quản lý chặt chẽ người bị áp giải, bảo đảm tuyệt đối an toàn phương tiện và những người tham gia; cảnh giác, chủ động dự kiến và xử lý các tình huống đột xuất, phức tạp có thể xảy ra, vô hiệu hóa mọi sự tấn công, chống đối, tự gây thương tích, tự sát của người bị áp giải.

Cán bộ, chiến sĩ áp giải căn cứ tình hình thực tế để lên, xuống phương tiện giao thông cho phù hợp. Trường hợp người bị áp giải không tự lên, xuống được thì cán bộ, chiến sĩ áp giải hỗ trợ.

Trên đường áp giải hoặc tại địa điểm xét xử, cán bộ, chiến sĩ áp giải phải cách ly, quản lý và giám sát chặt chẽ từng đối tượng không để tiếp xúc với nhau hoặc tiếp xúc với người không có trách nhiệm.

a) Áp giải bằng phương tiện ô tô

Đối với áp giải đường dài, áp giải nhiều đối tượng trong cùng một vụ án thì đội hình xe áp giải phải được đánh số thứ tự, ký hiệu theo kế hoạch và phương án đã được phê duyệt: xe dẫn đường, xe chở đối tượng áp giải, xe hộ tống, xe dự phòng, xe chỉ huy. Chuẩn bị đầy đủ các vật dụng, trang bị, cần thiết; liên hệ với Công an đơn vị địa phương nơi có tuyến đường áp giải đi qua để phối hợp bảo vệ.

Trường hợp bắt buộc phải sử dụng xe ô tô chuyên dụng để áp giải thì bố trí tổ áp giải từ 03 đến 05 cán bộ, chiến sĩ được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ.

b) Áp giải bằng phương tiện máy bay.

Trước khi áp giải, đơn vị áp giải cử cán bộ, chiến sĩ liên hệ, phối hợp với bộ phận an ninh sân bay, bộ phận làm thủ tục lên máy bay để bố trí chỗ ngồi, thời điểm lên máy bay và sự hỗ trợ cần thiết khác. Có ít nhất từ hai cán bộ, chiến sĩ trở lên áp giải một đối tượng. Trường hợp cần thiết phải khóa tay và xích chân đối tượng (dùng áo hoặc khăn để che vị trí khóa tay trong quá trình áp giải tại sân bay, trên máy bay).

c) Áp giải bằng phương tiện đường sắt

Khi ngồi tàu không để người bị áp giải ngồi ở cửa lên xuống, gần cửa sổ và cửa nối giữa hai toa tàu.

d) Trường hợp đặc biệt phải thực hiện áp giải bằng mô tô, xe máy

Phân công 02 cán bộ, chiến sĩ áp giải; người bị áp giải phải bị khóa tay phía sau lưng và ngồi giữa.

d) Áp giải bằng phương tiện đường thủy

Bố trí ít nhất 02 cán bộ, chiến sĩ áp giải; phải khóa tay người bị áp giải và mặc áo phao, ngồi giữa khoang tàu, thuyền (áp dụng đối với các địa bàn sông nước mà phương tiện ô tô không lưu thông được).

4. Áp giải bị cáo bị bắt tại phiên tòa

a) Trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử quyết định bắt tạm giam bị cáo, yêu cầu lực lượng Cảnh sát áp giải bị cáo về cơ sở giam giữ. Chỉ huy lực lượng làm nhiệm vụ áp giải ra lệnh cho cán bộ, chiến sĩ áp giải bị cáo đến nơi giam giữ theo Quyết định bắt, tạm giam bị cáo của Hội đồng xét xử, Chủ tọa phiên tòa; lập biên bản, bàn giao theo quy định.

b) Trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử tuyên bố trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa. Chỉ huy lực lượng làm nhiệm vụ áp giải thực hiện theo yêu cầu của Hội đồng xét xử, mở khóa còng tay (nếu có). Lập biên bản trả tự do cho bị cáo tại tòa, biên bản phải có người làm chứng.

Điều 12. Trình tự, thủ tục dẫn giải

1. Trình tự dẫn giải

a) Cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ dẫn giải đến địa điểm dẫn giải, thông báo và mời đại diện chính quyền địa phương hoặc đại diện cơ quan, tổ chức nơi người có quyết định dẫn giải cư trú, làm việc, học tập để phối hợp thực hiện quyết định dẫn giải.

b) Yêu cầu chủ nhà hoặc người có quan hệ với người bị dẫn giải đang cư trú để gặp người bị dẫn giải, tiến hành kiểm tra, đối chiếu ảnh, giấy tờ tùy thân (nếu có), sau khi xác định đúng là người có tên trong quyết định dẫn giải thì tiến hành dẫn giải.

2. Thủ tục dẫn giải

a) Đọc quyết định dẫn giải và giải đáp thắc mắc của người bị dẫn giải liên quan đến nội dung quyết định dẫn giải.

b) Thực hiện dẫn giải:

Đối với dẫn giải người làm chứng, người bị hại, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố là người dưới 18 tuổi thì phải mời người đại diện theo pháp luật đi cùng;

Người bị dẫn giải là nữ thì phải bố trí cán bộ, chiến sĩ nữ dẫn giải;

Trường hợp dẫn giải người làm chứng đang bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành án phạt tù, tử hình trong vụ án khác thì thực hiện theo điểm b, c, d khoản 2 Điều 11 của Thông tư này.

d) Trường hợp dẫn giải đường dài, phải nghỉ qua đêm, trước khi tổ chức dẫn giải, đơn vị thực hiện nhiệm vụ dẫn giải phải có kế hoạch, dự kiến nơi nghỉ qua đêm:

Đơn vị được giao thực hiện dẫn giải chủ động bố trí hoặc liên hệ với Công an đơn vị, địa phương nơi có tuyến đường dẫn giải đi qua để nghị hỗ trợ bố trí nơi ăn, nghỉ cho cán bộ, chiến sĩ tham gia dẫn giải và người bị dẫn giải;

Đơn vị thực hiện nhiệm vụ dẫn giải có trách nhiệm chi chế độ ăn, nghỉ cho cán bộ, chiến sĩ tham gia dẫn giải và người bị dẫn giải, được thanh toán theo quy định.

đ) Lập biên bản dẫn giải và biên bản giao, nhận người với cơ quan, đơn vị tiếp nhận người bị dẫn giải theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Công an.

Điều 13. Kết thúc bắt, áp giải, dẫn giải

Kết thúc nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải, người chỉ huy bắt, áp giải, dẫn giải phải tiến hành kiểm tra quân số, vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện, trang thiết bị nghiệp vụ và bàn giao cho đơn vị quản lý theo quy định. Tổ chức họp rút kinh nghiệm, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề nghị khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

Chương IV

XỬ LÝ TÌNH HUỐNG KHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẮT, ÁP GIẢI, DẪN GIẢI VÀ QUAN HỆ PHỐI HỢP GIỮA CÁC LỰC LƯỢNG

Điều 14. Không chấp hành, chống đối thực hiện lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải

1. Người bị bắt, áp giải, dẫn giải có hành vi không chấp hành, chống đối

a) Người bị bắt, áp giải, dẫn giải không chấp hành lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải có hành vi chống đối thì giải thích các quy định của pháp luật

và yêu cầu người đó phải chấp hành lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Người bị bắt, áp giải, dẫn giải có hành vi chống đối thì thực hiện các biện pháp khống chế, vô hiệu hóa hành vi chống đối. Người bị bắt, áp giải, dẫn giải có hành vi phạm tội quá tang thì phải tiến hành ngăn chặn, lập biên bản về hành vi phạm tội.

2. Thân nhân, đồng bọn của người bị bắt, áp giải, dẫn giải có hành vi cản trở, chống đối, hành hung, chống người thi hành công vụ nhằm giải thoát cho đối tượng

a) Chỉ huy lực lượng làm nhiệm vụ giải thích và tranh thủ sự ủng hộ của mọi người xung quanh để cô lập người cầm đầu, quá khích; giải tán đám đông (nếu có).

b) Trường hợp đã được giải thích mà vẫn có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng hơn thì đề nghị chính quyền và Công an đơn vị, địa phương hỗ trợ.

c) Nếu vụ, việc diễn biến phức tạp phải kịp thời báo cáo Thủ trưởng đơn vị để tăng cường lực lượng đến hỗ trợ giải quyết. Chủ động bảo đảm an toàn cho lực lượng tham gia bắt, áp giải, dẫn giải; ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi vi phạm, lập biên bản và giao cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Thi hành lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải tại nơi cư trú, làm việc, học tập

1. Trường hợp người bị bắt, áp giải, dẫn giải không có mặt tại nơi cư trú, làm việc, học tập thì người thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải phải lập biên bản vắng mặt (xác định lý do vắng mặt...), có sự chứng kiến của đại diện gia đình hoặc cơ quan nơi người đó làm việc, học tập; có người chứng kiến và xác nhận của chính quyền địa phương.

a) Nếu có căn cứ xác định người bị bắt, áp giải, dẫn giải đã chuyển nơi cư trú, làm việc, học tập đến nơi khác thì người thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải tiến hành lập biên bản về việc đã thay đổi nơi cư trú, làm việc, học tập có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó cư trú, làm việc, học tập. Thông báo bằng văn bản cho cơ quan, người đã ra lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải biết.

b) Nếu có căn cứ xác định người bị bắt, áp giải, dẫn giải đang trên đường đi thì người chỉ huy dẫn giải cử lực lượng đến mời đối tượng đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất để tiến hành các thủ tục bắt, áp giải, dẫn giải theo quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Thông tư này.

c) Trường hợp người bị bắt, áp giải, dẫn giải chết thì lập biên bản về việc người đó đã chết, có xác nhận của chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức nơi người đó cư trú, làm việc, học tập và kèm theo bản sao giấy chứng tử (nếu có). Thông báo bằng văn bản cho cơ quan, người đã ra lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải.

2. Người bị kết án phạt tù đang tại ngoại, hoãn, tạm đình chỉ, người được hưởng án treo, tha tù trước thời hạn có điều kiện đi chấp hành án phạt tù, bị bệnh hiểm nghèo, có thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn.

a) Đối với người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì người chỉ huy việc bắt, áp giải phải lập biên bản (kèm theo bản sao bệnh án của người bệnh) có xác nhận của cơ sở y tế (nếu người bệnh đang điều trị tại bệnh viện) hoặc có xác nhận của chính quyền, cơ quan, tổ chức nơi người đó cư trú, làm việc, học tập (nếu người bệnh đang điều trị tại nơi cư trú, làm việc, học tập). Thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân đã ra quyết định thi hành án phạt tù, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp biết.

b) Đối với phụ nữ đang có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì dừng việc bắt, áp giải và lập biên bản (kèm theo bản sao giấy khám thai tại cơ sở y tế cấp huyện trở lên đối với trường hợp đang có thai hoặc bản sao giấy chứng sinh hoặc bản sao giấy khai sinh đối với trường hợp đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi). Thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

c) Đối với trường hợp người bị áp giải đang trong tình trạng hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, là lao động duy nhất trong gia đình, nếu bắt, áp giải đi chấp hành án gia đình sẽ lâm vào hoàn cảnh khó khăn đặc biệt thì dừng việc bắt, áp giải, lập biên bản có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó cư trú, làm việc, học tập. Thông báo bằng văn bản xin ý kiến Tòa án nhân dân đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Điều 16. Xử lý tình huống khi bắt, áp giải, dẫn giải và trên đường áp giải, dẫn giải

1. Người bị bắt, áp giải chạy trốn thì người chỉ huy bắt, áp giải yêu cầu những người có mặt phối hợp bắt giữ. Nếu không bắt ngay được đối tượng thì phải kịp thời báo cáo Thủ trưởng đơn vị và liên hệ với Công an đơn vị, địa phương nơi xảy ra trốn để tăng cường lực lượng truy bắt.

2. Người bị bắt, áp giải, dẫn giải phát bệnh đột xuất cần phải cấp cứu thì nhanh chóng đưa vào cơ sở y tế nơi gần nhất. Trường hợp yêu cầu phải chuyển lên cơ sở y tế tuyến trên thì đề nghị cơ sở y tế xác nhận bằng văn bản về tình trạng sức khoẻ của người bị bắt, áp giải, dẫn giải báo cáo ngay cho Chỉ huy trực tiếp và thông báo cho cơ quan, người đã ra lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải. Trong thời gian cấp cứu, điều trị tại cơ sở y tế, cán bộ, chiến sĩ áp giải, dẫn giải phải tổ chức canh giữ, giám sát chặt chẽ đối tượng, không để đối tượng trốn, tự sát hoặc tiếp xúc với người không có trách nhiệm.

3. Người bị trích xuất, áp giải, dẫn giải chết trên đường áp giải, dẫn giải thì chỉ huy áp giải, dẫn giải thông báo ngay cho Thủ trưởng đơn vị giao nhiệm vụ áp giải, dẫn giải và cơ quan, người ra quyết định áp giải, dẫn giải, Cơ quan

điều tra, Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật. Trường hợp người chết là người nước ngoài thì Cơ quan thụ lý thông báo cho Cơ quan lãnh sự hoặc thân nhân, người đại diện hợp pháp của họ.

4. Xảy ra tai nạn giao thông thì thực hiện nội dung sau:

a) Quản lý, giám sát chặt chẽ người bị áp giải, dẫn giải và không cho người không có nhiệm vụ đến gần hoặc tiếp xúc với người bị áp giải, dẫn giải;

b) Cấp cứu người bị nạn (nếu có); trường hợp người bị áp giải, dẫn giải bị thương phải đưa đi cấp cứu, trong quá trình cấp cứu tại bệnh viện phải canh giữ, giám sát chặt chẽ; báo cáo ngay cho Thủ trưởng đơn vị, cơ quan, người đã ra quyết định áp giải, dẫn giải; trường hợp cần thiết đề nghị Công an đơn vị, địa phương hỗ trợ phối hợp, giải quyết;

c) Tai nạn xảy ra có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì bảo vệ hiện trường và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

d) Phương tiện chở người bị áp giải, dẫn giải hư hỏng, không tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được thì báo cáo Thủ trưởng đơn vị điều động, bố trí xe thay thế hỗ trợ hoặc đề nghị Công an đơn vị, địa phương phối hợp, hỗ trợ giải quyết, Công an đơn vị được đề nghị phải có trách nhiệm hỗ trợ giải quyết.

Điều 17. Áp giải hoặc dẫn giải giám định pháp y tâm thần

1. Hội đồng giám định pháp y tâm thần chưa có kết luận thì trong thời gian chờ kết quả giám định, áp giải đối tượng về bàn giao lại cho cơ sở giam giữ hoặc dẫn giải đưa về nơi cư trú, làm việc, học tập bàn giao cho gia đình để tiếp tục quản lý và thông báo cho cơ quan, người đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần.

2. Hội đồng giám định pháp y tâm thần kết luận người được giám định bị mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác dẫn đến mất khả năng nhận thức hoặc mất khả năng điều khiển hành vi của bản thân thì phải thông báo cho cơ quan, người đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần và cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ áp giải, dẫn giải.

3. Hội đồng giám định pháp y tâm thần kết luận người được đưa đi giám định không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác dẫn đến mất khả năng nhận thức hoặc mất khả năng điều khiển hành vi của bản thân thì phải thông báo cho cơ quan, người đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần biết. Căn cứ yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền; áp giải đối tượng đang ở nơi cư trú, làm việc, học tập đến nơi giam giữ.

Điều 18. Sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ trong thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải

Trường hợp cần thiết, khi thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải thì được nổ súng, sử dụng công cụ hỗ trợ theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 61

của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

Điều 19. Quan hệ phối hợp giữa các lực lượng trong thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải

1. Quan hệ phối hợp giữa cơ quan, đơn vị, người thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải với các đơn vị khác trong Công an nhân dân:

a) Quan hệ phối hợp giữa các đơn vị thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải các cấp trong Công an nhân dân là mối quan hệ phối hợp thống nhất, chặt chẽ, hiệu quả trong công tác tham mưu, xây dựng kế hoạch, phương án và triển khai thực hiện đúng quy định của pháp luật;

b) Cơ quan, đơn vị, người được phân công thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải có yêu cầu, đề nghị phối hợp bắt, áp giải, dẫn giải phải chủ động trao đổi (trực tiếp hoặc bằng văn bản) với đơn vị phối hợp về nội dung kế hoạch, phương án và thời gian, địa điểm thực hiện;

c) Công an đơn vị, địa phương nơi người bị bắt, áp giải, dẫn giải đang cư trú, làm việc, học tập, sinh sống khi nhận được yêu cầu, đề nghị xác minh của cơ quan, đơn vị, người thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, khẩn trương cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết về người cần xác minh. Khi có yêu cầu, đề nghị phối hợp, hỗ trợ thực hiện bắt, áp giải, dẫn giải thuộc địa bàn phụ trách, quản lý thì có trách nhiệm phối hợp, triển khai, hỗ trợ thực hiện theo nội dung yêu cầu của cơ quan, đơn vị, người thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải phải bảo đảm an toàn theo quy định pháp luật và quy định của Bộ Công an;

d) Trại giam, Trại tạm giam, nhà tạm giữ khi nhận được thông báo của cơ quan, đơn vị, người được giao thực hiện áp giải, dẫn giải có trách nhiệm phối hợp thực hiện, chuẩn bị các điều kiện cần thiết, hồ sơ, tài liệu liên quan, tài sản, đồ vật (nếu có); bảo đảm cho việc giao, nhận người bị áp giải, dẫn giải, nhanh chóng, kịp thời đúng quy định của pháp luật và quy định của Bộ Công an.

2. Quan hệ phối hợp giữa cơ quan, đơn vị, người thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải với chính quyền, cơ quan, tổ chức nơi người bị bắt, áp giải, dẫn giải cư trú, làm việc hoặc học tập:

a) Cơ quan, đơn vị, người thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải phải thông báo và mời chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị bắt, áp giải, dẫn giải cư trú, làm việc, học tập biết trước khi tiến hành bắt, áp giải, dẫn giải để phối hợp thực hiện;

b) Chính quyền địa phương hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị bắt, áp giải, dẫn giải cư trú, làm việc, học tập có trách nhiệm phối hợp thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải theo đúng quy định của pháp luật.

Chương V

HỒ SƠ VÀ KINH PHÍ BẮT, ÁP GIẢI, DẪN GIẢI

Điều 20. Lưu trữ, quản lý hồ sơ bắt, áp giải, dẫn giải

1. Các tài liệu, hồ sơ liên quan đến thực hiện nhiệm vụ bắt phải được lưu trữ vào hồ sơ của người bị bắt theo quy định về chế độ hồ sơ nghiệp vụ.
2. Các tài liệu, hồ sơ liên quan đến thực hiện nhiệm vụ áp giải phải được lưu trữ vào hồ sơ của người bị áp giải theo quy định về chế độ hồ sơ nghiệp vụ.
3. Các tài liệu hồ sơ liên quan đến thực hiện nhiệm vụ dẫn giải phải được lưu giữ vào hồ sơ của người bị dẫn giải theo quy định về chế độ hồ sơ nghiệp vụ.

Điều 21. Kinh phí bảo đảm thực hiện nhiệm vụ bắt áp giải, dẫn giải

1. Kinh phí chi cho thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải và bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải; chi hỗ trợ cho người bị bắt, áp giải, dẫn giải do ngân sách Nhà nước cấp và được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Công an cấp cho Công an các đơn vị, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
2. Chế độ và mức chi bồi dưỡng, hỗ trợ theo quy định của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Công an.
3. Việc thanh, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn của Bộ Công an.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2020, không đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.
2. Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư, áp dụng thực hiện kể từ ngày Thông tư có hiệu lực.
3. Đối với việc tiếp nhận lệnh, quyết định bắt, áp giải, dẫn giải của lực lượng làm nhiệm vụ hỗ trợ tư pháp trong Công an nhân dân mà đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực chưa được thi hành hoặc chưa thi hành xong thì áp dụng các quy định của Thông tư này.
4. Thông tư này thay thế Quyết định số 1502/2008/QĐ-BCA(C11) ngày 10/9/2008, của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quy trình bắt, áp giải bị can, bị cáo, người có quyết định thi hành án phạt tù, dẫn giải người làm chứng của lực lượng Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp thuộc Công an nhân dân theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.
2. Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng) để có hướng dẫn kịp thời./. *TL*

BỘ TRƯỞNG
Đã ký: Đại tướng Tô Lâm

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO
Số: 18/SL

SAO LỤC
Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2020

TL. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Cửu
Nguyễn Quốc Huy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BẮT BỊ CÁO ĐỀ TẠM GIAM

Hồi giờ ngày tháng năm tại

Tôi:
thuộc Cơ quan
chủ trì thi hành Lệnh/Quyết định bắt bị cáo để tạm giam, cùng với ông/bà

Ông/bà
đại diện chính quyền/cơ quan/tổ chức chứng kiến.
Ông/bà
là người chứng kiến.

Thi hành Lệnh/Quyết định bắt bị cáo để tạm giam số: ngày tháng năm
của Cơ quan đối với:

Họ tên: Giới tính:
Tên gọi khác:

Sinh ngày tháng năm tại:

Quốc tịch: ; Dân tộc: ; Tôn giáo:

Nghề nghiệp:

Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu:

cấp ngày tháng năm Nơi cấp:

Nơi cư trú:

Sau khi xác định đúng là người có tên trong Lệnh/Quyết định bắt bị cáo để tạm giam trên đây, chúng tôi đã đọc, giải thích Lệnh/Quyết định bắt bị cáo để tạm giam, quyền và nghĩa vụ của người bị bắt cho mọi người cùng nghe.

Khi tiến hành khám người bị bắt, chúng tôi đã phát hiện và tạm giữ những đồ vật, tài liệu sau (nếu có)⁽¹⁾:

(1) Ghi rõ tên, số lượng, tình trạng, đặc điểm của đồ vật và nơi phát hiện; nếu là giấy tờ, tài liệu phải yêu cầu người bị bắt ký tên xác nhận vào từng trang; nếu là đồ vật, tài liệu cần niêm phong thì phải niêm phong tại chỗ và ghi vào biên bản; nếu tạm giữ nhiều đồ vật, tài liệu thì dùng thêm mẫu biên bản này; nếu không thu giữ đồ vật, tài liệu gì cũng phải ghi rõ vào biên bản.

Ngoài những đồ vật, tài liệu trên, chúng tôi không thu giữ đồ vật, tài liệu nào khác.

Thái độ chấp hành của người bị bắt:

Tình trạng sức khỏe của người bị bắt⁽²⁾:

Ý kiến của người bị bắt:

Việc thi hành Lệnh/Quyết định bắt bị cáo để tạm giam kết thúc vào hồi giờ ngày tháng năm Người chủ trì thi hành Lệnh/Quyết định bắt bị cáo để tạm giam đã tiến hành áp giải người bị bắt về trụ sở Cơ quan: để phục vụ công tác xét xử.

Biên bản này đã đọc cho những người có tên trên nghe, công nhận đúng và cùng ký tên xác nhận dưới đây. Biên bản này được lập thành ba bản, một bản gửi cho Tòa án hai bản đưa vào hồ sơ.

NGƯỜI BỊ BẮT

NGƯỜI CHỦ TRÌ THI HÀNH LỆNH/QUYẾT ĐỊNH

NGƯỜI CHỨNG KIÉN

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
(Hoặc đại diện cơ quan/tổ chức)

ĐẠI DIỆN GIA ĐÌNH
(Nếu có)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(2) Sức khỏe bình thường hoặc bị thương tích, bệnh lý.